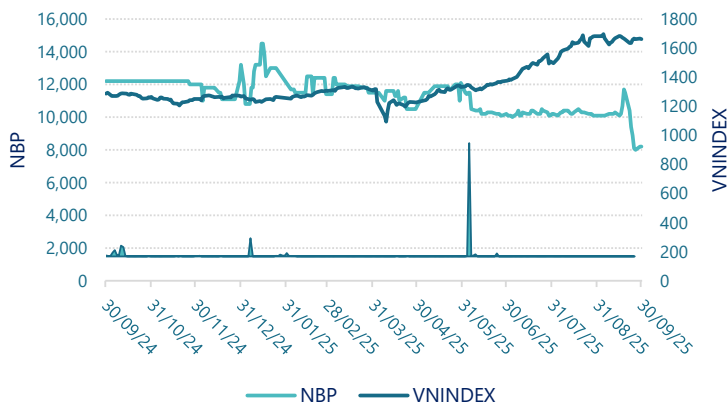




CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (HNX: NBP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	58,540
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
P/E	17.2
EPS	476

DT thuần

Q3/25

154

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.0 | 30.2%

YoY: ▼ 65.0 | -29.9%

LN sau thuế

Q3/25

-1.26

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.45 | -124%

YoY: ▲ 5.92 | 82.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-0.8%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

9T 2025

318

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 682 | -68.2%

LN sau thuế

9T 2025

8.96

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.9 | 250%

ROE

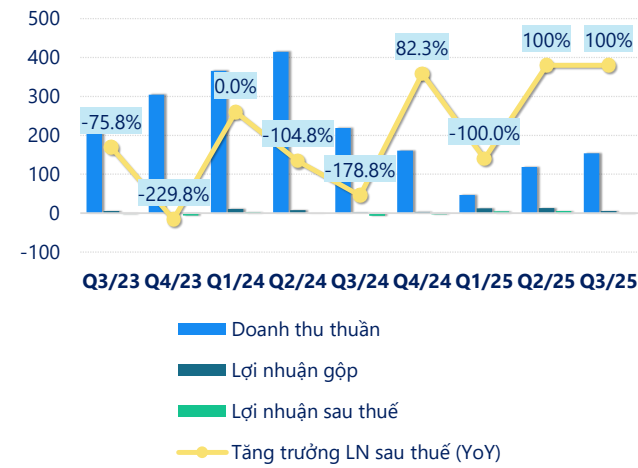
Q3/25

2.6%

+/- YoY: ▲ 7.2%

tỷ VNĐ

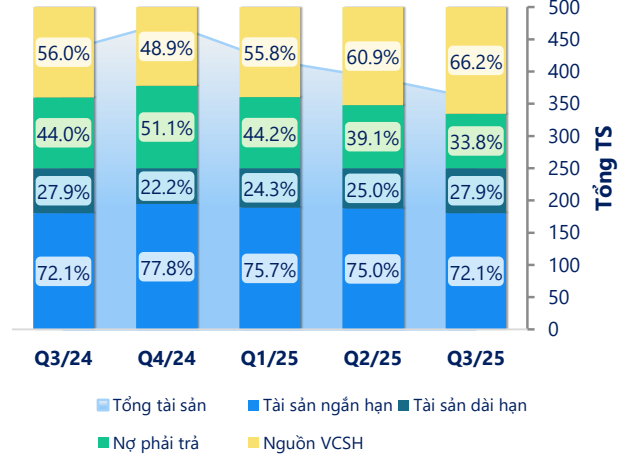
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

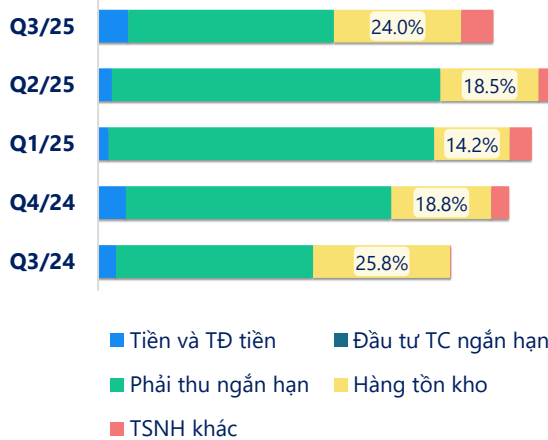
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



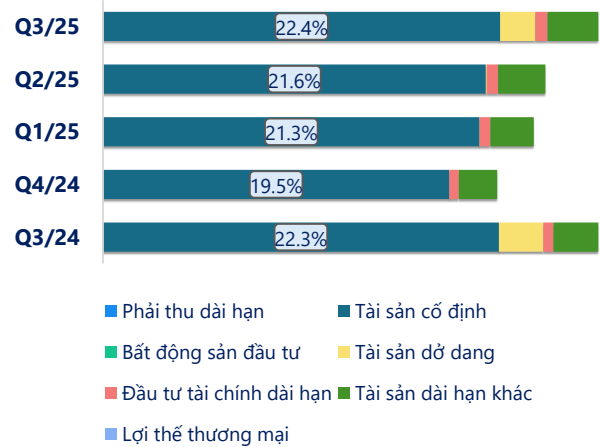
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

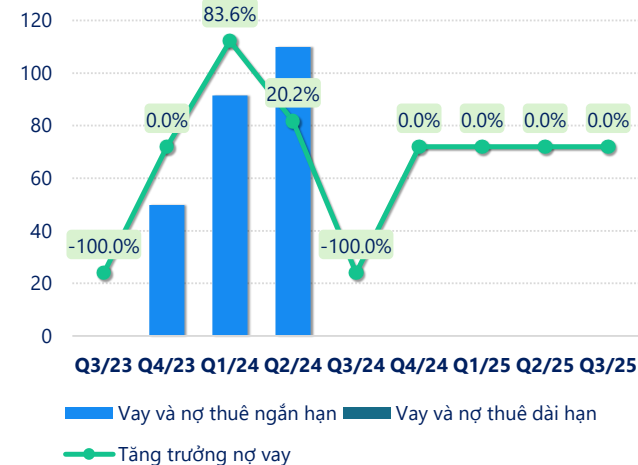
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

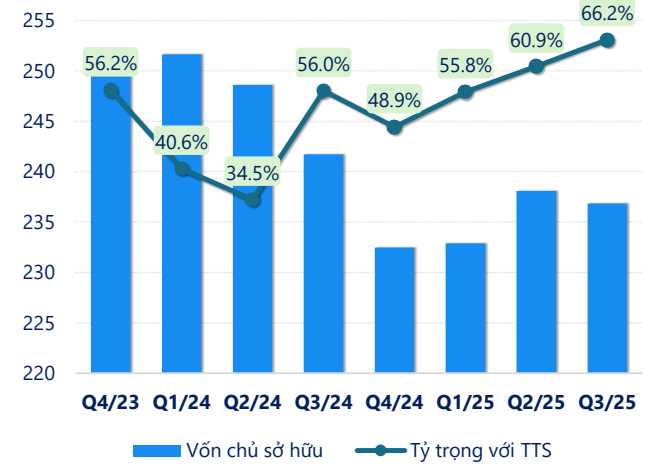
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

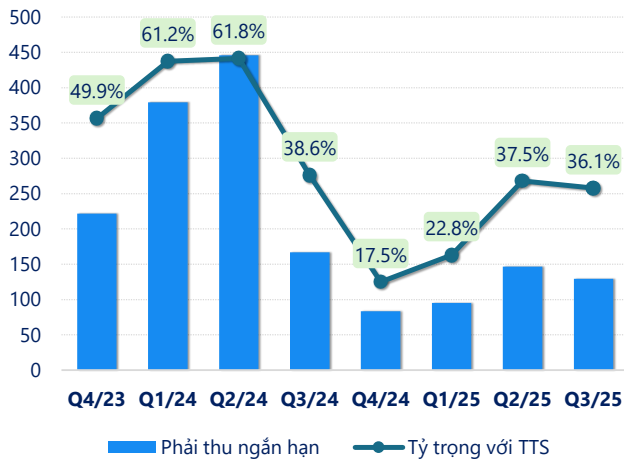
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



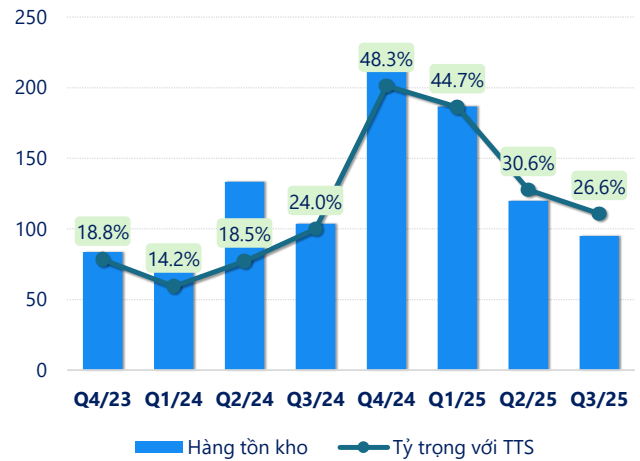
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


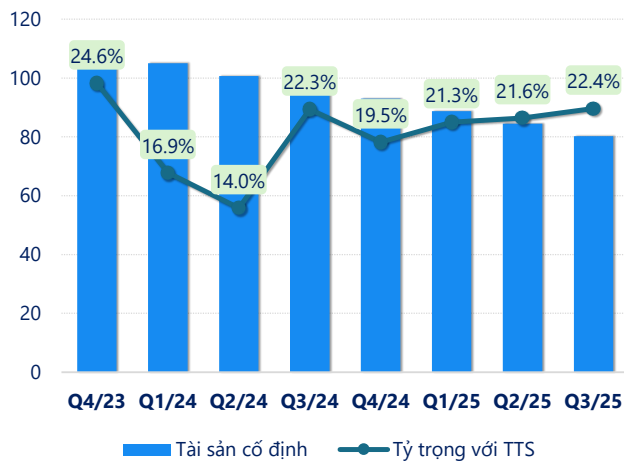
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


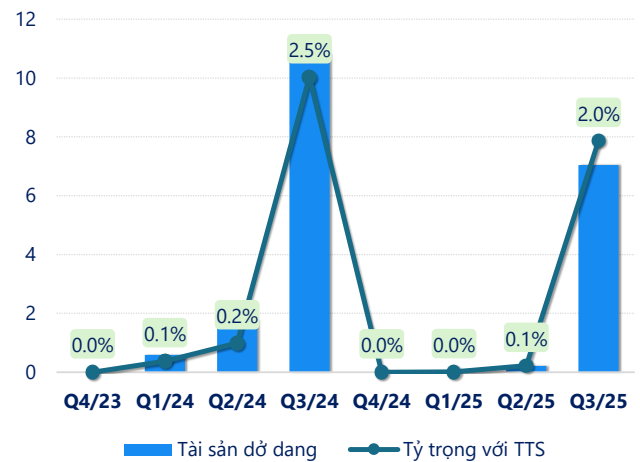
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

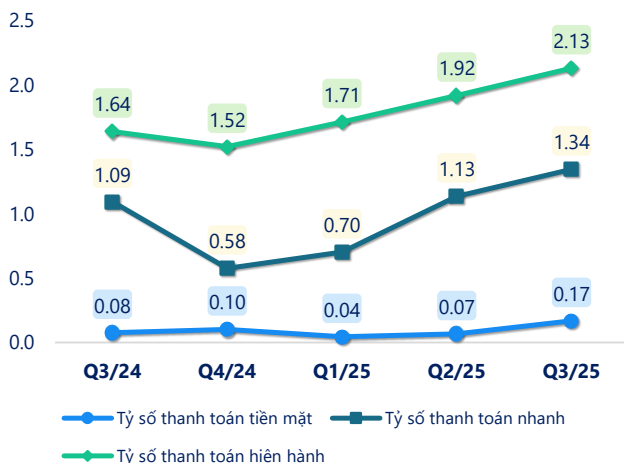
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

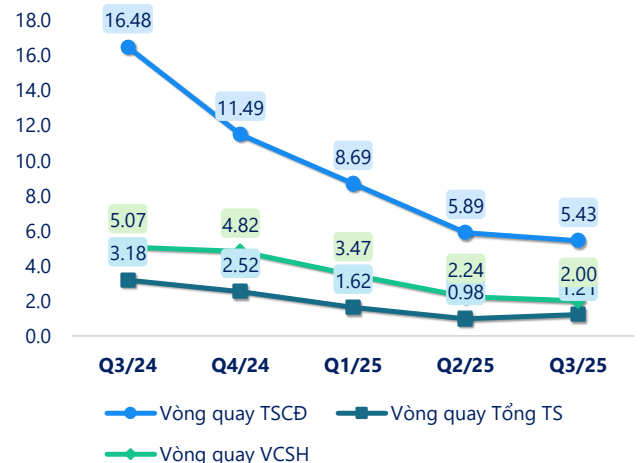
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	431	476	417	391	358
Tài sản ngắn hạn	311	370	316	293	258
Tiền và tương đương tiền	14.5	25.0	8.28	10.1	20.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	167	83.2	95.3	147	129
Hàng tồn kho	104	230	187	120	95.1
Tài sản ngắn hạn khác	26.1	31.8	25.8	16.7	13.3
Tài sản dài hạn	121	106	101	97.6	100
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	96.3	93.0	88.7	84.5	80.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.8	0	0.01	0.22	7.04
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	2.50	2.50	2.50
Tài sản dài hạn khác	10.9	10.3	10.2	10.4	10.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	190	243	184	153	121
Nợ ngắn hạn	190	243	184	153	121
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	157	232	166	128	88.8
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	242	232	233	238	237
Vốn chủ sở hữu	242	232	233	238	237
Vốn điều lệ	129	129	129	129	129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)